
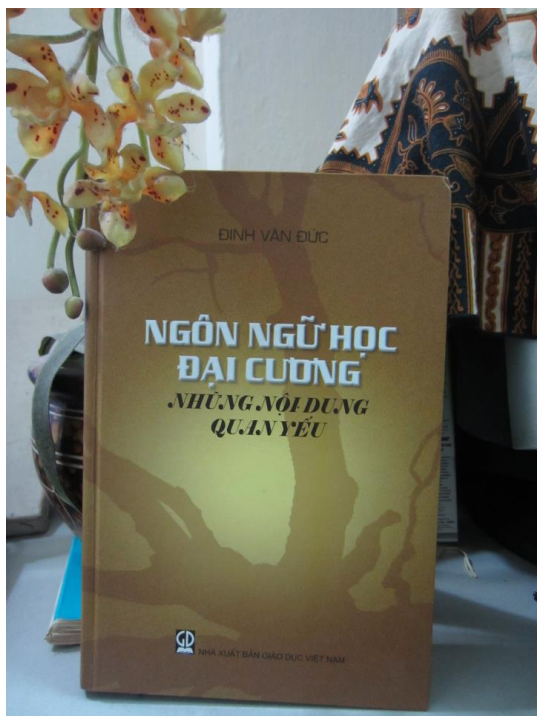


Độc sách:
Ngôn ngữ và tư duy quan hệ

Ngôn ngữ học đại cương - 

PGS.TS Nguyễn Hồng Cẩm



Cũng như các ngành khoa học khác, ngôn ngữ học có một bộ môn nghiên cứu về ngôn ngữ và tư duy chung nhất, cung cấp cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu cho các bộ môn ngôn ngữ học khác đó là mô tả và giải thích các sự kiện ngôn ngữ, đó là Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics) hay Ngôn ngữ học lý thuyết (Theoretical Linguistics). Lịch sử ngôn ngữ học cho thấy, mặc dù các nghiên cứu về ngôn ngữ đã xuất hiện từ thời Hy Lạp – La Mã cổ đại và phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử nhưng chỉ đến những năm đầu thế kỷ 20, khi Giáo trình ngôn ngữ học đại cương của Ferdinand de Saussure được trình bày ở Đại học Geneve (1906 -1911) và xuất bản sau đó (1916), gây ảnh hưởng lớn ở châu Âu và Bắc Mỹ thì Ngôn ngữ học đại cương mới ra đời và ngôn ngữ học mới được chính thức thành lập như một ngành khoa học về ngôn ngữ. Từ đó đến nay, Ngôn ngữ học đại cương đã trở thành một môn học không thể thiếu trong chương trình đào tạo ngôn ngữ học của các trường đại học trên thế giới.

Ngôn ngữ học đại cương được giới thiệu vào Việt Nam từ khoảng đầu những năm 70 của thế kỷ XX, bắt đầu với Giáo trình Ngôn ngữ học đại cương của F.de Saussure (bản dịch, in lần đầu năm 1973) và sau đó là các công trình của Ju. Stepanov (Ngôn ngữ học đại

1984), V.Rozdextvenski (Ngôn ngữ bài giảng Ngôn ngữ học di văn học, 1997), J. Lyons (Nhập môn Ngôn ngữ học lý thuyết, 1997), V.B Kasevich (Ngôn ngữ và tư duy của Ngôn ngữ học di văn học, 1998), v.v. Một số bài giảng, giáo trình Ngôn ngữ học di văn học do các nhà ngôn ngữ học Việt Nam biên soạn cũng đã được xuất bản, trong đó đáng chú ý là bộ giáo trình *Điểm nhìn ngôn ngữ học* (tập 1, tập 2) của Đỗ Hữu Châu và Bùi Minh Toán (1991) và Các bài giảng về Ngôn ngữ học di văn học của Nguyễn Lai (2002). Các công trình này đã cung cấp cho người đọc những tri thức lý luận về ngôn ngữ học từ nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, yêu cầu nhận thức, nhận thức lại và cập nhật các tri thức lý thuyết, phương pháp luận ngôn ngữ học vẫn đòi hỏi có một công trình Ngôn ngữ học di văn học trình bày các vấn đề cơ bản của ngôn ngữ học hiện đại một cách có hệ thống, khoa học và được biết đến nhiều để các thành viên của ngôn ngữ học và ngôn ngữ học đồng phương và Việt ngữ học. Công trình *Ngôn ngữ học di văn học – Ngôn ngữ và tư duy* của GS.TS Đinh Văn Đức mới được xuất bản (Nxb Giáo dục Việt Nam 2012), kết quả nghiên cứu và giảng dạy môn học này của tác giả trong hơn 30 năm, đã đáp ứng yêu cầu cấp thiết đó.

Cuốn sách có 595 trang (kích thước tài liệu tham khảo), khổ 16x24, chia làm 12 chương, trình bày ngôn ngữ và tư duy của Ngôn ngữ học di văn học, được tác giả lựa chọn theo ba nguyên tắc ưu tiên cơ bản, thiết thực và sự phong phú (tr.9). Điều đáng lưu ý là bộ sưu tập của cuốn sách không được trình bày theo lối diễn đạt trực tiếp thông thường thông thường trong các công trình Ngôn ngữ học di văn học là tư duy lý luận thông qua quan điểm các cấp độ ngôn ngữ, mà theo một lôgic phân ánh quá trình nhận thức là đi từ quan niệm (vấn đề ngôn ngữ học di văn học) đến điểm nghiên cứu (bản chất, chức năng và hệ thống, cấu trúc ngôn ngữ) và phương pháp nghiên cứu (các lý thuyết ngôn ngữ học). Cách thức chọn nội dung quyển sách như vậy theo chúng tôi là một mối so với các công trình đi trước.

Công trình bắt đầu với chương 1 trình bày thông quan quan niệm của tác giả về Ngôn ngữ học di văn học. Theo tác giả, “toàn bộ nội dung của Ngôn ngữ học di văn học, xét về mặt lý thuyết, được nhóm trở lại 4 câu hỏi: (1) Ngôn ngữ là gì?, (2) Ngôn ngữ tồn tại, hiện hữu như thế nào?, (3) Ngôn ngữ hoạt động ra sao?, (4) Ngôn ngữ ta tiếp cận với ngôn ngữ bằng cách gì?” (tr.14). Và mục tiêu của Ngôn ngữ học di văn học là “giúp ta hiểu ít nhất bản chất then chốt..., cũng chính là bản chất nội dung lý luận của đây:

-
- Bản chất và chức năng của ngôn ngữ
- Hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ
-
- Các hoạt động của ngôn ngữ
-

Ngôn ngữ học và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.” (tr.15)

Và đó cũng chính là bản nội dung bao trùm cuốn sách của tác giả.

Nội dung thể nhất của quyển sách - các vấn đề liên quan đến bản chất và chức năng của ngôn ngữ, được trình bày trong các chương 2 (Ngôn ngữ và chức năng giao tiếp), 3 (Bản chất ký hiệu của ngôn ngữ) và 4 (Ngôn ngữ trong mối quan hệ với tư duy). Đây là các vấn đề cơ bản của triết học ngôn ngữ đã được đề cập và thảo luận khá nhiều trong các công trình ngôn ngữ học của các nhà lý luận và triết gia ngôn ngữ. Không thể không coi “bản chất xã hội của ngôn ngữ là một vấn đề có tính nguyên tắc cho mọi lý luận ngôn ngữ học”, tác giả cho rằng “chức năng giao tiếp, chức năng làm công cụ của tư duy và bản chất ký hiệu của ngôn ngữ ...gần bó chặt chẽ với nhau trên cái nền chung là bản chất xã hội của ngôn ngữ” (tr.25), và vì vậy, để hiểu về bản chất xã hội của ngôn ngữ, trước hết cần phân tích các chức năng của ngôn ngữ, cũng như để hiểu về bản chất ký hiệu của ngôn ngữ phải xem xét nó trong mối quan hệ với chức năng giao tiếp và chức năng làm công cụ của tư duy. Trên cơ sở lý thuyết đó, tác giả đã trình bày và thảo luận sâu sắc thêm các vấn đề chức năng giao tiếp của ngôn ngữ (vì sao ngôn ngữ có chức năng giao tiếp, bản chất của hoạt động giao tiếp, thông tin nhân loại và giao tiếp, các yếu tố của hoạt động giao tiếp, v.v), bản chất ký hiệu của ngôn ngữ (ký hiệu như là phương tiện giao tiếp, các loại ký hiệu, bản chất ký hiệu và các cách phân tích) và đặc biệt là vấn đề mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy (chức năng phản ánh của tư duy, ngôn ngữ như là công cụ phản ánh, các biểu hiện của mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy trong ngôn ngữ, v.v.). Tác giả đã dành hơn 100 trang của chương 4 để trình bày và thảo luận về vấn đề quan trọng như vậy cũng khá phức tạp này. Cho rằng “mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy rất chặt chẽ nhưng không đồng nhất”, trong đó “tư duy là mục đích còn ngôn ngữ là phương tiện”, tác giả khẳng định “mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy là mối quan hệ bản chất nhất vì nó bao trùm và tác động đến mọi hiện tượng ngôn ngữ” (tr.85), “cho nên, mọi sự kiện ngôn ngữ chỉ có thể được giải thích từ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy” (tr.93). Tất cả những vấn đề cơ bản khác liên quan đến mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy biểu hiện qua ngôn ngữ (cấu trúc, chức năng, tính lịch sử và các chức năng giao tiếp, tính tình thái, tư duy hình tượng và sáng tạo nghệ thuật) đều được nhìn nhận và giải thích từ các tiền đề lý thuyết quan trọng này.

Nội dung thể hai và thể ba của cuốn sách – các vấn đề về hình thức, cấu trúc và chức năng hoạt động của ngôn ngữ, được trình bày cô đọng ở chương 5. Ở đây, ngoài việc giải thích về các khái niệm về mối liên quan giữa hình thức – cấu trúc ngôn ngữ (như hình thức ngôn ngữ, cấu trúc ngôn ngữ, các quan hệ trong ngôn ngữ, cấp độ ngôn ngữ và các đơn vị hình thức), tác giả đã tiếp tục thảo luận làm rõ thêm về “cấu trúc hoạt động của ngôn ngữ” với tư cách là “phương thức hoạt động của hình thức ngôn ngữ” (tr.219), thể hiện qua cấu trúc ngôn ngữ và lời nói, cấu trúc kết hợp và lời nói (F.de Saussure), cấu trúc năng và ngữ thi (N. Chomsky), cấu trúc hành động ngôn ngữ (J.L. Austin, J.R Searle và các tác giả khác), qua đó kết nối các thành tựu nghiên cứu về hình thức – cấu trúc ngôn ngữ với các nghiên cứu về chức năng và hoạt động ngôn ngữ của ngôn ngữ học hiện đại. Thoạt nhìn vào đề tài của chương 5 (chương khoảng 50 trang) có vẻ như các vấn đề về hình thức – cấu trúc và cấu trúc hoạt động của ngôn ngữ ít thu hút sự chú ý của tác giả. Tuy nhiên, sau khi đọc kỹ có thể hiểu vì sao tác giả lại lựa chọn cách trình bày như vậy. Thứ nhất là vì các nội dung lý thuyết về mối liên quan giữa hình thức – cấu trúc và cấu trúc hoạt động của ngôn ngữ đã được trình bày khá kỹ trong nhiều công trình Ngôn ngữ học và lý luận ngôn ngữ học, thậm chí là các chuyên khảo theo chủ đề khi tác giả thấy “không cần thiết phải đi vào...những vấn đề chức năng nói lời đã từng nêu các

đồng nghiệp” (tr.12). Tuy nhiên, lí do thực hai quan trọng hơn, theo chúng tôi, là việc trình bày một cách đầy đủ các vấn đề này chỉ phù hợp với một công trình chuyên ngành ngôn ngữ học, chứ không thể phù hợp với một công trình lí luận về ngôn ngữ học nói chung. Trên thực tế, tất cả các vấn đề lí thuyết về hình thức – cấu trúc và chức năng hoạt động của ngôn ngữ đều gắn liền với các trường phái ngôn ngữ học nên không thể trình bày tách rời khỏi quan niệm của các trường phái này. Và đó cũng là lí do tác giả dành các chương còn lại tập trung cho nội dung 4 - trình bày và thảo luận kĩ về các cách tiếp cận và các phương pháp luận nghiên cứu của ngôn ngữ học, qua đó một lần nữa làm sáng tỏ các vấn đề hình thức – cấu trúc và chức năng hoạt động của ngôn ngữ.

Phần nội dung thực tế này của cuốn sách, đồng nghiệp đồng ý có thể tiếp cận ngay với phương pháp luận và các tiến bộ lí thuyết của ngôn ngữ học hiện đại, tác giả bắt đầu bằng việc giới thiệu những luận đề của ngôn ngữ và ngôn ngữ học của F.de Saussure, người khai sinh ra lí thuyết hình thức – cấu trúc về ngôn ngữ (chương 6) và những luận thuyết ngôn ngữ học của B.N. Chomsky, cha đẻ của lí thuyết Ngôn ngữ học tạo sinh (chương 7), trước khi nhắc tới các đề tài của Ngôn ngữ học truyền thống (chương 8). Tiếp theo, tác giả cũng dành một dung lượng thích đáng để trình bày các khái niệm của B.N. và những vấn đề phương pháp luận của Ngôn ngữ học cấu trúc (chương 9), Ngôn ngữ học chức năng (chương 10), Ngữ pháp chức năng (chương 11) và Ngôn ngữ học ứng dụng (chương 12). Ở đây, điều đáng chú ý là mặc dù hầu hết các chương đều có đề cập tên và sắp xếp theo trình tự các trường phái hay lí thuyết ngôn ngữ học, những vấn đề nội dung tác giả đã “tránh lời trình bày theo dòng vết lịch sử ngôn ngữ học, mà cố gắng nêu ra những vấn đề then chốt nhất của lí luận và phương pháp nghiên cứu làm tiêu điểm giới thiệu”, như tác giả đã từng xác định rõ là nói đến (tr.8). Chẳng hạn, giới thiệu về N. Chomsky và Ngữ pháp Tạo sinh, tác giả tập trung vào quan niệm của N.Chomsky về ngôn ngữ (với các tiêu điểm là sự thể hiện ngôn ngữ, sự phân biệt giữa pháp pho quát và ngữ pháp thực thụ, giữa ngữ năng và ngữ thi) và các mô hình lí thuyết về ngôn ngữ của Chomsky (giai đoạn đầu (Ngữ pháp cộng biến 1, Lí thuyết chu trình, Lí thuyết chu trình mở rộng) mà tác giả gọi là các hình thái ngôn ngữ). Trình bày về Ngôn ngữ học cấu trúc, tác giả tập trung làm rõ bối cảnh xuất hiện, các trường phái và các đề tài chính của hai trường phái Ngôn ngữ học cấu trúc châu Âu (Trường phái Prague) và châu Mỹ (Mô hình luận Mỹ), và các vấn đề phương pháp luận chính (phương pháp phân bổ và phương pháp phân tích thành tố tiếp). Với Ngôn ngữ học chức năng, tác giả lại lại chọn tiêu điểm trình bày về nó theo khuynh hướng nghiên cứu (khuynh hướng chức năng của Trường phái Prague, Ngữ pháp quan hệ, Ngữ pháp cách), về nó theo hướng nghiên cứu (hành động ngôn ngữ, câu và nghĩa của câu, phạm trù nghĩa biểu hiện, v.v). Cách trình bày kết hợp về nó theo hướng lịch sử (khuynh hướng nghiên cứu) về nó theo hướng vấn đề như vậy mang lại cho người đọc một bức tranh khá toàn diện về các vấn đề hình thức quan, mặc dù không phải lúc nào cũng đi theo dõi.

Một ưu điểm khác của cuốn sách là ngoài việc cung cấp cho người đọc một hình thức kiến thức lí luận về toàn diện, về cả thực về ngôn ngữ học nói chung, đồng nghiệp đồng ý rằng, tác giả đã vận dụng lí luận đầy đủ để giúp người đọc hiểu rõ các vấn đề của Văn học và thực tiễn tiếng Việt. Có thể thấy rõ điều này qua những trang viết sinh động của tác giả về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy về cấu trúc và chức năng của ngôn ngữ nói chung và tiếng Việt nói riêng (chương 4), về sự hình thành của các lí thuyết ngôn ngữ học vào Văn học học, từ ngôn ngữ học truyền thống và cấu trúc luận đến các khuynh hướng khác nhau của chức năng luận và ngữ pháp chức năng (từ chương 8 đến chương 11).

Cuốn sách có bố cục khá chặt chẽ, nội dung các chương liên kết với nhau một cách lôgic và mạch lạc. Văn phong của cuốn sách có tính hàn lâm, khoa học nhưng cũng dễ hiểu và có tính sinh động cao vì luôn có sự kết hợp giữa trình bày lí luận với ý kiến phân tích, đánh giá của tác giả, với những dẫn chứng thực tiễn dễ hiểu và thực tiễn Việt và các ngôn ngữ khác. Tất nhiên, một số chi tiết hay chi tiết khác trong cuốn sách ngôn ngữ học có thể nhìn thấy còn có những cách sắp xếp khác hợp lý hơn, hoặc mục lục tác giả trình bày kĩ hơn, rõ ràng, thậm chí có phần phụ lục. Thời gian viết một công trình hơn 500 trang, để có thể nhìn thấy những nội dung quan trọng trong lí luận đại cương về ngôn ngữ học từ trước đến nay, mặc dù theo đánh giá của tác giả là cũng chưa mấy đáng kể, thì những khiếm khuyết nhỏ, nếu có, cũng khó tránh khỏi.

Chúng tôi đánh giá

Ngôn ngữ học đại cương – Ngôn ngữ và tư duy quan hệ

của GS. Đinh Văn Đức là một công trình khoa học có giá trị đáng kể là một giáo trình ngôn ngữ học đại cương có tính sinh động cao. Có thể khẳng định đây là cuốn sách thực sự cần thiết cho các nhà khoa học, các NCS, HVCH và sinh viên ngôn ngữ học cũng như cho tất cả những ai yêu thích về ngôn ngữ học mà hiểu sâu thêm về ngôn ngữ và ngôn ngữ học. Xin trân trọng gửi lời cảm ơn cùng bạn đọc.

Canberra

, tháng 8/2013

[*] Đinh Văn Đức, *Ngôn ngữ học đại cương – Ngôn ngữ và tư duy quan hệ*. NXB Giáo dục Việt Nam, 2012.